

Lama Tsongkhapa: XUNG TÁN DUYÊN KHỞI

Tựa Đề Tạng Ngữ (Tibetan Title): རྟན་འབྲེལ་བསྟོན་པ་བཞུགས་སོ། 1

-Tác giả (author): Lama Tsongkhapa

-Việt ngữ: Hồng Như, bản thảo 12 tháng 5 năm 2019

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Xung Tán Duyên Khởi

Lama Tông Khách Ba

Nam mô Guru Manjughoshaya (Kính lạy đức Văn Thù Diệu Âm)

1. Người nào thuyết pháp / từ sự chứng biết,
trí ấy, giáo ấy / không một ai hơn.
Con xin kính lễ / đức Phật tối thắng,
Bậc chứng rồi giảng / giáo pháp duyên sinh.

2. Cõi thế gian này / có bao suy thoái,
hết thầy đều từ / gốc rễ vô minh.
Đức Phật dạy rằng / bất kể là ai,
chúng được duyên sinh / là đẹp được cả.

3. Nên người có trí
đâu thể không hiểu
rằng pháp duyên sinh
chính là cốt tủy / giáo pháp Phật dạy.

4. Vậy xung tán Phật
đâu có lỗi nào
mẫu nhiệm hơn là
xung tán bậc thuyết / giáo pháp duyên sinh.

5. “Việc gì đã tùy / nhân duyên sinh ra
thì việc ấy vốn / không có tự tánh.”
Có lời dạy nào / tuyệt diệu hơn là
lời dạy này đây.

6. Vì bám vào đó / mà kẻ ấu trĩ
ràng buộc biên kiến / càng thêm kiên cố;
cũng chính nơi đó / lại là cửa ngõ
cho người có trí / xẻ lưới niệm khởi.

7. Pháp này nơi khác / chưa từng nghe qua
nên gọi Phật là / đạo sư duy nhất.
Nếu gọi ngoại đạo / [là bậc đạo sư] /
thì khác gì gọi / cáo là sư tử,
chỉ giống như lời / tăng bốc mà thôi.

8. Tuyệt thay đạo sư! Tuyệt thay chỗ nương!
Tuyệt thay luận sư! Tuyệt thay cứu độ!
Đối trước bậc Thầy / khéo thuyết duyên khởi,
con xin đánh lễ.

9. Để giúp chữa bệnh / nên đấng Lợi Sinh
dạy cho hữu tình
lý luận vô song
xác định tánh không, / trái tim chánh pháp.

10. Lối duyên khởi này
nếu thấy mâu thuẫn / không thể xác minh
thì pháp của Phật
làm sao có thể / thông đạt cho được?

11. Với Phật, bao giờ
chứng được tánh không / qua nghĩa duyên khởi
sẽ thấy tuy rằng / không có tự tánh
vẫn tạo tác dụng, / không hề mâu thuẫn.

12. Phật dạy nếu như / thấy điều ngược lại,
ở trong tánh không / không có tác dụng
có tác dụng lại / không có tánh không,
sẽ phải rơi vào / vực sâu hung hiểm.

13. Vì lý do này / giáo pháp Phật dạy
hết mực đề cao / chứng ngộ duyên khởi;
không phải hoàn toàn / là không hiện hữu,
mà cũng không phải / là có tự tánh.

14. Sự tự-có như / hoa đốm giữa trời,
vì vậy không gì / là không tùy thuộc.
Nếu sự vật nhờ / chính mình mà có
thì không thể nào / tùy thuộc nhân duyên.

15. Nên Phật dạy rằng “vì không có gì
không từ duyên khởi
nên trừ phi là / không có tự tánh
bằng không chẳng có / pháp nào tồn tại.”

16. Phật dạy: “Tự tánh / không hề biến chuyển,
nên nếu các pháp / có chút tự tánh
thì quả niết bàn / không thể nào có,
niệm khởi cũng không / cách nào tịch diệt.”

17. Vì vậy nhiều lần / trước hàng trí giả
đức Phật nói bằng / tiếng sư tử吼,
rằng “sự vật vốn / tách lìa tự tánh”
Lời này đối ai / đủ sức phản biện.

18. Tự tánh mảy may / cũng không hề có,
mọi sự đều là / “tùy vào cái này
mà cái kia sinh.” / Có cần phải nói

rằng hai điều này / không hề mâu thuẫn?

19. “Vì hiện khởi nên
không vương biên kiến.”
Chính vì đức Phật / khéo thuyết như vậy
nên gọi Ngài là / luận sư vô song.

20. “Hết thấy mọi sự / chân tánh vốn không”;
“từ điều này mà / quả kia sinh ra”:
hai khẳng định này hỗ trợ lẫn nhau
không hề mâu thuẫn.

21. Nhiệm mầu nào hơn?
kỳ diệu nào hơn?
Tán dương như vậy / mới là tán dương,
bằng không chẳng xứng.

22. Những ai vì bởi / mê muội khổng chế
bất thuận với Phật / thì trước âm thanh
của không-tự-tánh / chẳng thể nào kham,
việc này không lạ.

23. Nhưng nếu tin nhận / kho tàng trân quý
của lời Phật dạy / về thuyết duyên khởi,
mà không kham nổi / tiếng gầm tánh không
mới thật lạ kỳ.

24. Lý duyên khởi là / cánh cửa vô thượng,
lối ngõ dẫn vào / sự không-tự-tánh.
Nếu kẻ phàm phu / dựa danh duyên khởi
mà chấp tự tánh / thì phàm phu ấy

25. lạc mất lối ngõ
mà chư thánh giả / đã từng khéo qua.
Đâu là phương tiện / đưa họ về lại
với con đường lành / khiến cho Phật vui?

26. “Tự tánh, không giả, / và không tùy thuộc”
cùng với “duyên sinh, / tùy thuộc, giả hợp”,
Làm sao có thể / qui về một chỗ
mà không mâu thuẫn?

27. Vì thế điều gì / từ duyên sinh ra,
mặc dù bản lai / vốn là tự tánh,
nhưng mà tướng hiện / lại giống như có,
nên Phật nói rằng / mọi sự hư huyền.

28. Vì lý do này / nên con hiểu được
dù ai chống đối / với lời Phật dạy
vẫn không làm sao / xét đúng luận lý
mà tìm ra được / chút sơ hở nào.

29. Tại sao như vậy? / Vì lời giảng này

khiến cho sự vật—dù là thấy được /
hay không thể thấy— khả năng khẳng định /
hay là phủ định đều lìa rất xa.

30. Chính nhờ con đường / duyên khởi này đây,
thấy được lời Phật / thật không đâu sánh.
Vì lẽ này mà / khởi niệm xác quyết
Pháp nào của Phật / cũng đều đúng cả.

31. Phật chứng như nghĩa / rồi khéo nói ra,
những ai dụng công / theo gót chân Ngài,
bao nhiêu suy thoái / hết thấy đều xa,
bao gốc lỗi lầm / đều hồi đầu cả.

32. Còn người quay lưng / với lời Phật dạy
thì dù lao碌 / trong thời gian dài
lỗi vẫn tăng thêm—như thể gọi mời—
là vì nương vào / tri kiến chấp ngã.

33. Tuyệt vời lắm thay! / Khi người có trí
hiểu sự khác biệt / giữa hai điều này
khi ấy đáy lòng / không thể nào không
sâu xa kính Phật.

34. Hãy khoan nói đến / vô lượng giáo pháp,
chỉ cần ý nghĩa / một nhánh nhỏ thôi,
dù chỉ đại khái / có được lòng tin,
cũng vẫn đạt được / niềm vui thù thắng.

35. Than ôi! con vì / tâm trí mê muội,
khối thiện đức ấy / qui y đã lâu,
thế nhưng cho dù / chỉ một mẫu nhỏ
cũng chưa hề có.

36. Tuy vậy, trước khi / sinh mạng một dòng
chảy cạn hết vào / miệng của Thần chết,
tín tâm nơi Phật / con được chút ít,
thiết nghĩ đó cũng / là điều đại hạnh.

37. Bậc thuyết duyên khởi / trong khắp giảng sư;
Trí chứng duyên khởi / trong khắp các trí;
Chỉ có Phật như / để vương tôn thắng / trong cõi thế gian
mới khéo biết được, / người khác chẳng thể.

38. Bất kể là Phật / dạy cho pháp gì,
đều phát xuất từ / giáo lý duyên sinh
và đều hướng đến / mục tiêu niết bàn
Phật không hạnh nào / không khiến tịnh an.

39. Ôi! Giáo pháp Phật
rơi vào tai ai
đều khiến bình an,
hỏi ai lại chẳng / thiết tha giữ gìn.

40. Pháp này tận diệt / hết thầy đối địch;
làm tan biến hết / mâu thuẫn trước sau;
giúp cho toàn thành / cả hai lợi ích;
nhờ diệu pháp này / hoan hỉ càng tăng.

41. Chính vì vậy mà
Phật vô số kiếp / cho rồi lại cho:
khi thì cho thân / lúc lại cho mạng,
cho cả thân nhân, / thọ dụng tài sản.

42. Thấy được thiện đức / của giáo pháp này,/
con thật như là / con cá mắc câu,
từ nơi tim Phật / bị cuốn phăng vào.
Chẳng thể chính tai / nghe lời Phật dạy / thật là bất hạnh.

43. Nỗi thương tâm này / ray rức mãi liệt,
núi mãi không buông / tâm trí của con.
Cũng tựa như là / trái tim người mẹ
giữ mãi không rời / đứa con thân yêu.

44. Mỗi khi con nhớ / đến lời Phật dạy,
là ý nghĩ này / lại hiện trong con:
“Bổn sư đứng giữa / vùng hào quang sáng,
tướng hảo chánh phụ / rực rỡ rạng ngời,

45. đã dùng Phạm Âm / mà thuyết như vậy.”
Ảnh Phật khi ấy / hiện ra trong con,
xoa dịu trái tim / rất bỏng mòn mỏi,
như trăng thanh mát / dịu cõi nóng khô.

46. Đối với giáo pháp / kỳ diệu này đây
phàm phu kém trí
thấy rối mịt mờ
như là cỏ bện.

47. Nhìn thấy cảnh này / con đã lầm lẫn
theo bậc trí giả
cố gắng nỗ lực
tìm rồi lại tìm / ý thật của Phật.

48. Khi ấy con học
rất nhiều kinh luận / tông môn trong ngoài,
tâm triển miên khổ
vì lưới hoài nghi.

49-51. Cỗ xe vô thượng / mà Phật để lại,
hai đầu có-không / đều lìa bỏ hết,
được đức Long-thọ—người Phật thọ ký—
giảng đúng như thật.
Vườn hoa kun-da / của luận Long thọ
ngời ánh nguyệt quang / của luận Nguyệt Xứng
trắng sáng rạng soi / tỏ tường khắp cả,

trí tuệ vô cầu / một khối tròn đầy,
du hành vô ngại / giữa trời giáo thuyết,
xóa tan tăm tối / trái tim chấp thủ,
ngàn sao tà thuyết / đều phải lu mờ.
Nhờ ơn đạo sư / thấy được điều này,
tâm con khi ấy / mới thật bình yên.

52. Trong mọi thiện hạnh / mà Phật đã làm, /
thuyết pháp là nhất. Pháp thuyết cũng vậy, /
là pháp này đây. Vì vậy kẻ trí /
nên từ chỗ này mà nhớ đến Phật.

53. Theo gót đấng bốn sư / tôi xuất gia thanh tịnh
tu học lời Phật dạy / không để cho kém cỏi
Tỷ kheo này cố gắng / tu tập hạnh du già
để tỏ lòng tôn kính / với bậc Đại Chân Thật.

54. Gặp được giáo pháp này / của bậc Thầy vô thượng
hết thầy đều nhờ vào / lòng từ của Ân sư
Vậy công đức nơi đây / tôi nguyện xin hồi hướng
cho chúng sinh luôn được / bậc chân sư giữ gìn.

55. Pháp của đấng Lợi Sinh / nguyện cùng tận sinh tử
không bao giờ khuynh động / bởi ngọn gió tà niệm;
nguyện luôn đầy ắp người / chứng cảnh giới lời Phật
nhờ đó tâm xác quyết / tin tưởng đấng đạo sư.

56. Nguyện trì pháp Mâu ni,
sáng soi lý duyên khởi,
mọi đời kiếp về sau / xả bỏ cả thân mạng
không bao giờ xao lãng / dù chỉ thoáng chốc thôi.

57. “Bậc dẫn đường tối thượng / bỏ công khó vô lượng
mới đạt được pháp này
nay dùng cách nào đây / để hoàng dương chánh pháp?” /
nguyện tôi ngày lẫn đêm / luôn quán xét điều này.

58. Khi nỗ lực như vậy / với đại nguyện trong sáng
Nguyện Phạm Thiên, Đế Thích, / cùng chư vị hộ thế
và hộ pháp như là / đức Mahakala
luôn nâng đỡ cho tôi / không bao giờ lơ lơi

*Bài pháp tên “Tinh Túy Trí Khéo Thuyết” này do bậc Tỷ kheo Đa văn Losang Dragpa trước tác.
Hồng Như Thupten Munsel chuyển Việt ngữ từ Tạng ngữ (Kopan Monastery Prayer Book), tham khảo
với các bản dịch Anh ngữ của Thupten Jinpa Kilty Galvin, 12 tháng 5 năm 2019*

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Việt (Vietnamese) | **Tạng (Tibetan)** | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

རྟེན་འབྲེལ་བསྟོན་པ་བརྒྱུགས་སོ། །

- ༡ ་ གང་ཞིག་གཟིགས་ཤིང་གསུངས་པ་ཡི། །མ་ཁྱེན་དང་སྟོན་པ་སྤྲོ་ན་མེད། །རྒྱལ་བ་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་། །གཟིགས་ཤིང་འདོམས་པ་དེ་ལ་འདུད། །
- ༢ ་ འཇིག་རྟེན་རྒྱུད་པ་ཇི་སྟེད། །དེ་ཡི་ཕ་བ་མ་རིག་སྟེ། །གང་ཞིག་མཐོང་བས་དེ་ལྟོག་པ། །རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བར་གསུངས། །
- ༣ ་ དེ་ཆོ་སྒོ་དང་ལྡན་པ་ཡིས། །རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ལམ། །ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་འདི་གནད་ཉིད་དུ། །ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་རྒྱུད་མི་འབྱུར།
- ༤ ་ དེ་ལྟ་ལགས་ན་མགོན་ཁྱོད་ལ། །བསྟོན་པ་འདི་སྟོར་ནི་ སུ་ཞིག་གིས། །བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གསུངས་པ་ལས། །དོ་མཚར་གྱུར་པ་ཅི་ཞིག་ཆེད། །
- ༥ ་ གང་གང་རྟེན་ལ་རག་ལས་པ། །དེ་དེ་རང་བཞིན་གྱིས་སྟོང་ཞེས། །གསུངས་པ་འདི་ལས་ཡ་མཚན་པའི། །ལེགས་འདོམས་རྩལ་ནི་ཅི་ཞིག་ཡོད། །
- ༦ ་ གང་དུ་བརྒྱུང་བས་བྱིས་པ་རྣམས། །མཐར་འཇིག་འཆིང་བ་བརྟན་བྱེད་པ། །དེ་ཉིད་མཁས་ལ་སྟོས་པ་ཡི། །དྲ་བ་མ་ལུས་གཅོད་པའི་སྟོ། །
- ༧ ་ བསྟན་འདི་གཞན་དུ་མ་ཐོང་བས། །སྟོན་པ་ཞེས་བྱ་ཁྱོད་ཉིད། །མ་སྟེས་ལ་ནི་མེད་གེ་བཞིན། །མུ་སྟེགས་ཅན་ལ་འདུག་ཅུ་ལུ་འཛིག།
- ༨ ་ ཞེ་མའོ་སྟོན་པ་ཞེ་མའོ་སྟབས། །ཞེ་མའོ་སྟུ་མཚོག་ཞེ་མའོ་མགོན། །རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བུ་ལེགས་གསུངས་པའི། །སྟོན་པ་དེ་ལ་བདག་ཕྱག་འཆོལ། །
- ༩ ་ ཡན་མཛད་ཁྱོད་ཀྱིས་འགྲོ་བ་ལ། །སྟུན་པའི་སྤྲད་དུ་བཀའ་སྟུལ་བ། །བསྟན་པའི་སྟོང་པོ་སྟོང་པ་ཉིད། །དེས་པའི་རྩུ་མཚན་རྩུ་མེད་པ། །
- ༡༠ ་ རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་རྩལ། །འགལ་བ་དང་ནི་མ་གྲུབ་པར། །མཐོང་བ་འདི་ཡིས་ཁྱོད་ཀྱི་ལུགས། །ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་རྒྱུད་པར་ཅུས།
- ༡༡ ་ ཁྱོད་ནི་ནམ་ཞིག་སྟོང་པ་ཉིད། །རྟེན་འབྱུང་དོན་དུ་མཐོང་བ་ན། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་དང་། །བྱ་བྱེད་འཐད་པའང་མི་འགལ་ཞིང་།
- ༡༢ ་ དེ་ལས་ལྟོག་པར་མཐོང་བ་ན། །སྟོང་པ་བྱ་བ་མི་རུང་ཞིང་། །བྱ་དང་བཅས་ལ་སྟོང་མེད་པས། །ཉམ་ངའི་གཡང་དུ་ལྟུང་བར་བཞེད། །
- ༡༣ ་ དེ་ཕྱིར་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ལ། །རྟེན་འབྱུང་མཐོང་བ་ལེགས་པར་བསྟུགས། །དེ་ཡང་ཀུན་དུ་མེད་པ་དང་། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་ཡོད་པས་མིན། །
- ༡༤ ་ ལྟོས་མེད་ནམ་མཁའི་མེ་ཏྲག་བཞིན། །དེས་ན་མ་བརྟེན་ཡོད་མ་ཡིན། །དེ་བོས་གྲུབ་ན་དེ་འགྲུབ་པ། །རྒྱུ་དང་རྟེན་ལ་ལྟོས་པ་འགལ། །
- ༡༥ ་ དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་ལས། །མ་གཏོགས་ཆོས་འགའ་ཡོད་མིན་པས། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་ལས། །མ་གཏོགས་ཆོས་འགའ་མེད་པར་གསུངས། །
- ༡༦ ་ རང་བཞིན་ལྟོག་པ་མེད་པའི་ཕྱིར། །ཆོས་རྣམས་རང་བཞིན་འགའ་ཡོད་ན། །ལྟ་དན་འདས་པ་མི་རུང་ཞིང་། །སྟོས་ཀུན་ལྟོག་པ་མེད་པར་གསུངས། །
- ༡༧ ་ དེ་ཕྱིར་རང་བཞིན་རྣམ་གྲུལ་ཞེས། །མེད་གེ་འདི་སྟུ་ཡིས་ཡང་ཡང་དུ། །མཁས་པའི་ཆོག་སུ་ལེགས་གསུངས་པ། །འདི་ལ་སུ་ཡིས་འགྲོང་བར་ཅུས། །
- ༡༨ ་ རང་བཞིན་འགའ་ཡང་མེད་པ་དང་། །འདི་ལ་བརྟེན་ནས་འདི་འབྱུང་བའི། །རྣམ་བཞག་ཐམས་ཅད་འཐད་པ་གཉིས། །མི་འགལ་འདུ་བ་སྟོས་ཅི་དགོས། །
- ༡༩ ་ བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་རྩུ་མཚན་གྱིས། །མཐར་ལྟ་བ་ལ་མི་བརྟེན་ཞེས། །ལེགས་གསུངས་འདི་ནི་མགོན་ཁྱོད་ཀྱི། །སྟུ་བ་སྤྲོ་ན་མེད་པའི་རྩུ། །
- ༢༠ ་ འདི་ཀུན་དོ་བོས་སྟོང་པ་དང་། །འདི་ལས་འདི་འབྲས་འབྱུང་བ་ཡི། །དེས་པ་གཉིས་པོ་ཕན་རྒྱུན་དུ། །གོགས་མེད་པར་ནི་གྲོགས་བྱེད་པ། །
- ༢༡ ་ འདི་ལས་དོ་མཚར་གྱུར་པ་དང་། །འདི་ལས་མེད་དུ་བྱུང་བ་གང་། །རྩལ་འདིས་ཁྱོད་ལ་བསྟོན་ན་ནི། །བསྟོན་པར་འབྱུར་གྱི་གཞན་དུ་མིན། །
- ༢༢ ་ མོངས་པས་བྲད་དུ་བརྒྱུང་བ་ཡིས། །གང་ཞིག་ཁྱོད་དང་ཞེ་འགས་པ། །དེ་ཡིས་རང་བཞིན་མེད་པའི་སྟུ། །མི་བཟོད་གྱུར་ལ་མཚར་ཅི་ཡོད།
- ༢༣ ་ ཁྱོད་ཀྱི་གསུང་གི་གཅེས་པའི་མཛོད། །བརྟེན་ནས་འབྱུང་བར་ཁས་སྤངས་ནས། །སྟོང་ཉིད་དེ་མི་བཟོད་པ། །འདི་ལ་ཁོ་བོ་དོ་མཚར་གྱུར། །
- ༢༤ ་ རང་བཞིན་མེད་པ་བྱི་བའི་སྟོ། །སྟུ་མེད་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བུ་མིང་ཉིད་ཀྱིས་ནི་རང་བཞིན་དུ། །འཛིན་ན་དགོ་སྟེ་ལོ་འདི། །
- ༢༥ ་ འཕགས་མཚོག་རྣམས་ཀྱིས་ལེགས་བགྲོད་པའི། །འཕྲག་དོགས་རྒྱ་དང་བལ་གྱུར་པ། །ཁྱོད་དེ་གྲེས་གྱུར་པའི་ལམ་བཟང་དེར། །
- ཐས་གང་གིས་ནི་བྱི་བར་བྱ། །
- ༢༦ ་ རང་བཞིན་བཅོས་མིན་ལྟོས་མེད་དང་། །རྟེན་འབྲེལ་ལྟོས་དང་བཅོས་མ་གཉིས། །ཇི་ལྟ་བུར་ན་གཞི་གཅིག་ལ། །མི་འགལ་འདུ་བ་ཉིད་དུ་འབྱུར། །
- ༢༧ ་ དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གང་། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་གཤོད་མ་ནས། །རྣམ་པར་དབེན་ཡང་དེར་སྤང་བས། །འདི་ཀུན་སྟུ་མ་བཞིན་དུ་གསུངས། །
- ༢༨ ་ ཁྱོད་ཀྱིས་ཇི་ལྟར་བསྟན་པ་ལ། །རྟོལ་བ་འགས་ཀྱང་ཆོས་མཐུན་དུ། །གྲགས་མི་རྟོད་པར་གསུངས་པ་ཡང་། །འདི་ཉིད་ཀྱིས་ནི་ལེགས་པར་འཁུངས། །
- ༢༩ ་ ཅི་སྟོན་ཅེན་འདི་བཤད་པས། །མཐོང་དང་མ་མཐོང་དངོས་པོ་ལ། །སྟོ་འདོགས་པ་དང་སྟར་འདེབས་ཀྱི། །གོ་སྐབས་རིང་དུ་མཛད་ཕྱིར་རོ།
- ༣༠ ་ ཁྱོད་ཀྱི་སྟུ་བ་རྒྱུ་མེད་པར། །མཐོང་བའི་རྩུ་མཚན་རྟེན་འབྱུང་གི། །ལམ་འདི་ཉིད་ཀྱིས་གསུང་གཞན་ཡང་། །ཚད་མར་གྱུར་པར་དེས་པ་སྟེ། །
- ༣༡ ་ དོན་བཞིན་གཟིགས་ནས་ལེགས་གསུངས་པ། །ཁྱོད་ཀྱི་རྩེས་སུ་སྟོབ་པ་ལ། །རྒྱུད་པ་ཐམས་ཅད་རིང་དུ་གྱུར། །ཉེས་ཀུན་ཕ་བ་ལྟོག་ཕྱིར་རོ།
- ༣༢ ་ ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པས་ཕྱིར་ཕྱོགས་པས། །ཡུན་རིང་ལ་བ་བསྟེན་བྱས་ཀྱང་། །ཕྱི་ཕྱིར་སྟོན་རྣམས་བོས་པ་བཞིན། །བདག་ཀྱང་ལྟ་བ་བརྟན་ཕྱིར་རོ།
- ༣༣ ་ ཞེ་མའོ་མཁས་པས་འདི་གཉིས་ཀྱི། །ཁྱད་པར་ཁོང་དུ་རྒྱུད་གྱུར་པ། །དེ་ཆོ་རྒྱུད་ཀྱི་ཁོང་ནས་ནི་ཁྱོད་ལ་ཅི་ཕྱིར་གྲུས་མི་འབྱུར།
- ༣༤ ་ ཁྱོད་གསུང་དུ་མ་ཅི་ཞིག་སྟོས། །ཆམས་རེ་ཡི་དོན་ཅུ་ལ་འང་། །འོ་ལ་སྟུ་ཅུ་ཀྱི་དེས་རྟེད་པ། །དེ་ལ་འདུ་མཚོག་གི་བདེ་བ་སྟེ། །

35 གྲི་རྩུང་བདག་སྒྲོ་ཚོངས་པས་བཅོམ། །འདི་འདྲའི་ཡོན་ཏན་ཕུང་པོ་ལ། །རིང་ནས་སྐབས་སུ་སོང་བྱུང་ཁྱད། །ཡོན་ཏན་ཆཅོམ་མ་འཚལ་རྟེ། །
 36 རོན་ཁྱད་འཆིབས་ཁུངས་ལུགས་པའི། །སྟོག་གི་རྒྱུན་ནི་མ་རྩལ་པར། །ཁྱེད་ལ་ཅུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། །ཁྱེད་ལ་ཅུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། །འདི་ཡང་སྐལ་བ་བཟང་སྟུང་བཞིན། །
 37 རྩྭ་རྩྭ་ལའི་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་སྟོན་པ་དང་། །ཤེས་རབ་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་ཤེས་པ་གཉིས། །འཛིག་རྟེན་དག་ན་རྒྱལ་བའི་དབང་པོ་བཞིན། །ཕུལ་བྱུང་ལེགས་པར་ཁྱེད་མཁུན་གཞན་གྱིས་མིན།
 38 ཁྱེད་གྱིས་ཇི་སྟེང་བཀའ་སྟུང་པ། །རྟེན་འབྲེལ་ཉིད་ལས་བཅུམས་ཏེ་འཇུག། །དེ་ཡང་ཕྱ་རྟ་དང་འཕྱིར་ཏེ། །ཞི་འབྱུར་མིན་མཛད་ཁྱེད་ལ་མེད། །
 39 གྲི་མའི་ཁྱེད་ཀྱི་བསྟན་པ་ནི། །གང་གི་རྣ་བའི་ལམ་སོང་བ། །དེ་དག་ཐམས་ཅད་ཞི་འབྱུར་ཕྱིར། །ཁྱེད་བསྟན་འཛིན་པར་སུ་མི་གུས། །
 40 སུས་སྐྱོལ་མཐའ་དག་འཛོམས་པ་དང་། །ལྷག་འོག་འགལ་འདུས་སྟོང་པ་དང་། །སྒྲི་རྒྱའི་དོན་གཉིས་སྟེར་བྱེད་པ། །ལུགས་འདིར་ལོ་བོ་སྟོབ་འཕེལ། །
 41 འདི་ཡི་ཕྱིར་དུ་ཁྱེད་གྱིས་ནི། །ལ་ལ་ར་སྐྱ་དང་གཞན་དུ་སྟོག་སྟུག་པའི་གཉེན་དང་ལོངས་སྟོང་ཆོགས། །གངས་མེད་བསྐལ་པར་ཡང་ཡང་བཏང་། །
 42 གང་གི་ཡོན་ཏན་མཐོང་བ་ཡིས། །ལུགས་ཀྱིས་ཉལ་ཇི་བཞིན་དུ། །ཉིད་གྱིས་ཐུགས་དྲངས་ཆོས་དེ་ནི། །ཁྱེད་ལས་མ་ཐོས་སྐལ་བ་ཞན། །
 43 དེ་ཡི་ཕྱ་རྟ་དག་གསུངས་ཀྱིས་ནི། །སྟུག་པའི་བུ་ལ་མ་ཡི་ཡིད། །རྩིས་སུ་སོང་བ་ཇི་བཞིན་དུ། །བདག་གི་ཡིད་ནི་གཏོང་མི་བྱེད། །
 44 འདི་ལ་འདྲ་ཁྱེད་གསུངས་བསམ་པ་ན། །མཆོན་དཔའི་དཔལ་གྱིས་རབ་ཏུ་འབར། །འོད་ཀྱི་དྲ་བས་ཡོངས་བསྐོར་བའི། །སྟོན་པ་དེ་ཡི་ཆོངས་དབྱངས་གྱིས། །
 45 འདི་ནི་འདི་ལྟར་གསུངས་སྟུང་དུ། །ཡིད་ལ་ཐུབ་པའི་གཟུགས་བརྟན་ནི། །ཤར་བ་ཅོམ་ཡང་ཆོབ་ཡིས། །གདུངས་ལ་སྒྲ་ཟེར་བཞིན་དུ་སྟུང། །
 46 དེ་ལྟར་མུང་དུ་བྱུང་བ་ཡི། །ལུགས་བཟང་དེ་ཡང་མི་མཁས་པའི། །སྒྲི་བོས་བལ་པ་ཇི་བཞིན་དུ། །རྩམ་པ་ཀུན་ཏུ་འཛིངས་པར་བྱས། །
 47 རྩམ་པ་འདི་མཐོང་ནས་བདག་གིས་ནི། །འབད་པ་དུ་མས་མཁས་པ་ཡི། །རྩིས་སུ་འབྱངས་ནས་ཁྱེད་ཀྱི་ནི། །དགོངས་པ་ཡང་དང་ཡང་དུ་བཅོམ། །
 48 དེ་ཆོར་གཞན་སྟེ་པ་ཡི། །གཞུང་མང་དག་ལ་སྐྱུངས་པ་ན། །ཕྱི་ཕྱིར་ཐེ་ཆོམ་དྲ་བ་ཡིས། །བདག་གི་ཡིད་ནི་ཀུན་ཏུ་གདུངས། །
 49 ཁྱེད་ཀྱི་སྒྲ་མེད་ཐེག་པའི་རྩལ། །ཡོད་དང་མེད་པའི་མཐའ་སྐྱངས་ཏེ། །ཇི་བཞིན་འབྲེལ་པར་ལུང་བསྟན་པ། །ལྷ་སྐབ་གཞུང་ལུགས་ཀྱི་རྩའི་ཆོམ། །
 50 རྩི་མེད་མཁུན་པའི་དཀྱིལ་འཁོར་རྒྱས། །གསུང་རབ་མཁའ་ལ་ཐོགས་མེད་རྒྱ། །མཐར་འཛིན་སྤྱིད་གི་ཕུན་པ་སེལ། །འོག་སྤྱི་རྒྱ་སྐར་ཟེལ་གཏོན་པ། །
 51 དཔལ་ལྷན་རྒྱ་བའི་ལེགས་བཤད་ཀྱི། །འོད་དཀར་འཕྲེང་བས་གསལ་བྱས་པ། །སྒྲ་མའི་རྩིན་གྱིས་མཐོང་བའི་ཆོ། །བདག་གི་ཡིད་ཀྱིས་ངལ་གསོ་ཐོབ། །
 52 མཛད་པ་ཀུན་ལས་གསུང་གི་ནི། །མཛད་པ་མཆོག་ཡིན་དེ་ཡང་ནི། །དེ་ཉིད་ཡིན་ཕྱིར་མཁས་པ་ཡིས། །འདི་ལས་སངས་རྒྱུས་རྩིས་དྲན་བྱོས། །
 53 སྟོན་དེ་ནི་རྩིས་སུ་རབ་ཏུ་བྱུང་བྱུང་ཏེ། །རྒྱལ་བའི་གསུང་ལ་སྐྱུངས་པ་མི་དམན་ཞིང་། །རྩལ་འབྱོར་སྟོང་ལ་བརྩོན་པའི་དགེ་སྟོང་ཞིག།
 དྲང་སྟོ་ཆེན་པོ་དེ་ལ་དེ་ལྟར་གསུངས། །
 54 སྟོན་པ་སྒྲ་ན་མེད་པའི་བསྟན་པ་དང་། །མཇལ་བ་འདི་འདྲ་སྒྲ་མའི་རྩིན་ཡིན་པས། །དགེ་བ་འདི་ཡང་འགྲོ་བ་མ་ལུས་པ། །
 བཤེས་གཉེན་དམ་པས་འཛིན་པའི་རྒྱ་རུབ་སྟོ། །
 55 སུས་མཛད་དེ་ཡི་བསྟན་པ་འདྲ་སྤྱིད་པའི་མཐར། །རན་རྟོག་རྒྱུད་གིས་རྩམ་པར་མི་ཡོ་ཞིང་། །བསྟན་པའི་དང་རྩལ་ཤེས་ནས་སྟོན་པ་ལ། །ཡིད་ཆེས་རྟེན་པས་རྟེན་ཏུ་གང་བར་ཤོག།
 56 བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་དེ་ཉིད་གསལ་ཇོད་པ། །བ་པའི་ལུགས་བཟང་སྟེ་བ་ཐམས་ཅད་དུ། །ལུས་དང་སྟོག་ཀྱང་བཏང་ནས་འཛིན་པ་ལ། །སྐད་ཅིག་ཅི་ཡང་ལྟོད་པར་མ་བྱུར་ཅིག།
 57 འདྲེན་པ་མཆོག་དེས་དཀའ་བ་དཔག་མེད་ཀྱིས། །ནན་ཏན་སྟིང་པོར་མཛད་ནས་བསྐྱབས་པ་འདི། །ཐབས་གང་ཞིག་གིས་འཕེལ་བར་འབྱུར་སྟུང་པའི། །རྩམ་པར་དཔྱད་པས་ཉིན་མཆོན་འདའ་བར་ཤོག།
 58 ལྷག་བསམ་དག་པས་རྩལ་དེར་བརྩོན་པ་ན། །ཆོངས་དང་དབང་པོ་འཛིག་རྟེན་སྒྲིང་བ་དང་། །ལེགས་ལྷན་ནག་པོ་ལ་སོགས་སྐྱུང་མས་ཀྱང་། །གཡེལ་བ་མེད་པར་རྟེན་ཏུ་གྲོགས་བྱེད་ཤོག།
 ཅེས་བསྟོད་པ་ལེགས་བཤད་སྟིང་པོ་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ནི་མང་དུ་ཐོས་པའི་དགེ་སྟོང་སྟོབ་བཟང་གུགས་པའི་དཔལ་གྱིས་སྐྱུར་བའོ། །

Việt (Vietnamese)| **Tạng (Tibetan)** | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Việt (Vietnamese)| Tạng (Tibetan) | **Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)**

རྟེན་འབྲེལ་བསྟན་པ་བཞུགས་སོ། །

Xung Tán Duyên Khởi

IN PRAISE OF DEPENDENT ORIGINATION

Je Tsongkhapa - Lama Tông Khách Ba

༄༅། །ནམ་གུ་རུ་མཆོ་ལྷ་ཡ།

Kính lạy đức Văn Thù Diệu Âm

Nam mô Guru Manjughoshaya

༡༽ །གང་ཞིག་གཟིགས་ཤིང་གསུངས་པ་ཡི། །

1. Người nào thuyết pháp / từ sự chứng biết,

He who speaks on the basis of seeing,

མཆོན་དང་སྟོན་པ་སྒྲན་མེད། །

trí ấy, giáo ấy / không một ai hơn.

This makes him a knower and teacher unexcelled,

རྒྱལ་བ་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་། །

Con xin kính lễ / đức Phật tối thắng,

I bow to you, O Conqueror, you who saw

གཟིགས་ཤིང་འདོམས་པ་དེལ་འདུད། །

Bậc chứng rồi giảng / giáo pháp duyên sinh.

Dependent origination and taught it.

༢༽ །འཇིག་རྟེན་རྒྱུ་པ་ཇི་སྟེད་པ། །

2. Cõi thế gian này / có bao suy thoái,

Whatever degenerations there are in the world,

དེལི་ཚུ་བ་མ་རིག་སྟེ། །

hết thảy đều từ / gốc rễ vô minh.

The root of all these is ignorance;

གང་ཞིག་མཐོང་བས་དེ་ཕྱོག་པ། །

Đức Phật dạy rằng / bất kể là ai,

You taught that it is dependent origination,

རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བར་གསུངས། །

chúng được duyên sinh / là dẹp được cả.

The seeing of which will undo this ignorance.

༣༽ །དེ་ཆོ་སྟོན་དང་ལྟན་པ་ཡིས། །

3. Nên người có trí

So how can an intelligent person

རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ལམ།

đâu thể không hiểu

Not comprehend that this path

ཁྱོད་གྱི་བསྟན་པ་འདི་གནད་ཉིད་སྟེ། །

rằng pháp duyên sinh

Of dependent origination is

ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་རྒྱུ་མི་འགྱུར་།

chính là cốt tủy / giáo pháp Phật dạy.

The essential point of your teaching?

༥་། དེ་ལྟར་ལགས་ན་ མགོན་ཚུན་ལ། །

4. Vậy xưng tán Phật,

This being so, who will find, O Savior,

བསྟོད་པའི་སྒོར་ནི་ ལུ་ཞིག་གིས། །

đâu có lối nào

A more wonderful way to praise you

བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གསུངས་པ་ལས། །

mẫu nhiệm hơn là

Than [to praise you] for having taught

ངོ་མཚར་གྱུར་པ་ཅི་ཞིག་ཟླེད། །

xưng tán bậc thuyết / giáo pháp duyên sinh.

This origination through dependence?

༥་། གང་གང་རྟེན་ལ་རག་ལས་པ། །

5. “Việc gì đã tùy / nhân duyên sinh ra

“Whatsoever depends on conditions,

དེ་དེར་བཞུགས་ཀྱིས་སྟོང་ཞེས། །

thì việc ấy vốn / không có tự tánh.”

That is devoid of intrinsic existence.”

གསུངས་པ་འདི་ལས་ཡ་མཚན་པའི། །

Có lời dạy nào / tuyệt diệu hơn là

What excellent instruction can there be

ལེགས་འདོམས་རྒྱུ་ནི་ཅི་ཞིག་ཡོད། །

lời dạy này đây.

More amazing than this proclamation?

༦་། གང་དུ་བརླབ་བས་བྱིས་པ་རྣམས། །

6. Vì bám vào đó / mà kẻ ấu trĩ

By grasping at it the childish

མཐར་འཛིན་འཆིང་བ་བརྟན་བྱེད་པ། །

ràng buộc biên kiến / càng thêm kiên cố;

Strengthen bondage to extreme views;

དེ་ཉིད་མཁས་ལ་སྒྲིམ་པ་ཡི། །

cũng chính nơi đó / lại là cửa ngõ

For the wise this very fact is the doorway

ང་ལ་ལུས་གཅོད་པའི་སྒྲོ། །

cho người có trí / xẻ lưới niệm khởi.

To cut free from the net of elaborations.

༧་། བསྟན་འདི་གཞན་དུ་མ་མཐོང་བས། །

7. Pháp này nơi khác / chưa từng nghe qua

Since this teaching is not seen elsewhere,

སྟོན་པ་ཞེས་བྱ་བྱོད་ཉིད། །

nên gọi Phật là / đạo sư duy nhất.

You alone are the Teacher;

ཨ་ཁྱེས་ལ་ནི་སེང་གེ་བཞིན། །

Nếu gọi ngoại đạo / [là bậc đạo sư] / thì khác gì gọi / cáo là sư tử,

Like calling fox a lion, for a Tirthika

ལུ་སྟགས་ཅན་ལ་འང་གཅུ་བུ་འཛིན། །

chỉ giống như lời / tâng bốc mà thôi.

It would be a word of flattery.

༨ ་། ཞེ་མའོ་སྟོན་པ་ཞེ་མའོ་སྐྱབས། །

8. Tuyệt thay đạo sư! Tuyệt thay chỗ nương!

Wondrous teacher! Wondrous refuge!

ཞེ་མའོ་སྐྱབས་མཆོག་ཞེ་མའོ་སགོན། །

Tuyệt thay luận sư! Tuyệt thay cứu độ!

Wondrous speaker! Wondrous savior!

རྟོན་ཅིང་འབྲེལ་འབྲུང་ལེགས་གསུངས་པའི། །

Đối trước bậc Thầy / khéo thuyết duyên khởi,

I pay homage to that teacher

སྟོན་པ་དེལ་བདག་ཕྱག་འཇམ་ལ། །

con xin đánh lễ.

Who taught well dependent origination.

༩ ་། བཞུགས་པ་ལྟོད་ཀྱིས་འགྲོ་བ་ལ། །

9. Để giúp chữa bệnh / nên đáng Lợi Sinh

To help heal sentient beings,

སྐྱུན་པའི་སྐྱད་དུ་བཀའ་སྩལ་བ། །

dạy cho hữu tình

O Benefactor, you have taught

བསྟན་པའི་སྤྱིང་པོ་སྤྱོད་པ་ཉིད། །

lý luận vô song

The peerless reason to ascertain

ངེས་པའི་རྒྱ་མཚན་སྒྲིམ་དཔ། །

xác định tánh không, / trái tim chánh pháp

Emptiness, the heart of the teaching.

༡༠ ་། རྟོན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྲུང་བའི་རྒྱལ། །

10. Lối duyên khởi này

This way of dependent origination,

འགལ་བ་དང་ནི་མ་སྒྲུབ་པར། །

nếu thấy mâu thuẫn, / không thể xác minh

Those who perceive it

མཐོང་བ་འདི་ཡིས་ཁྱོད་ཀྱི་ལུགས། །

thì pháp của Phật

As contradictory or as unestablished,

ཇི་ལྟར་ཁོད་དུ་རྒྱུད་པར་རྟུག་།

làm sao có thể / thông đạt cho được?

How can they comprehend your system?

༡༡ ་། རྩོད་ནི་ནམ་ཞིག་སྟོང་པ་ཉིད། །

11. Với Phật, bao giờ

For you, when one sees emptiness

རྟོག་འབྱུང་དོན་དུ་མཐོང་བ་ན། །

chúng được tánh không / qua nghĩa duyên khởi

In terms of the meaning of dependent origination,

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་དང་། །

sẽ thấy tuy rằng / không có tự tánh

Then being devoid of intrinsic existence and

བྱ་བྱེད་འཐད་པ་འདའ་མི་འགལ་ཞིང་། །

vẫn tạo tác dụng, / không hề mâu thuẫn.

Possessing valid functions do not contradict.

༡༢ ་། དེ་ལས་ཕྱོག་པར་མཐོང་བ་ན། །

12. Phật dạy nếu như / thấy điều ngược lại,

Whereas when one sees the opposite,

སྟོང་ལ་བྱ་བ་མི་རུང་ཞིང་། །

ở trong tánh không / không có tác dụng

Since there can be no function in emptiness

བྱ་དང་བཅས་ལ་སྟོང་མེད་པས། །

có tác dụng lại / không có tánh không,

Nor emptiness in what has functions,

ཉམ་རའི་གཡང་དུ་ལྷུང་བར་བཞིན། །

sẽ phải rơi vào / vực sâu hung hiểm.

One falls into a dreadful abyss, you maintain.

༡༣ ་། དེ་ཕྱིར་ཁྱོད་གྱི་བསྟན་པ་ལ། །

13. Vì lý do này / giáo pháp Phật dạy

Therefore in your teaching

རྟོག་འབྱུང་མཐོང་བ་ལེགས་པར་བསྟན་པས། །

hết mực đề cao / chúng ngộ duyên khởi;

Seeing dependent origination is hailed;

དེ་ཡང་ཀླན་ཏུ་མེད་པ་དང་། །

không phải hoàn toàn / là không hiện hữu,

That too not as an utter non-existence

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་ཡོད་པས་མིན། །

mà cũng không phải / là có tự tánh.

Nor as an intrinsic existence.

༡༤ ་། ལྟོས་མེད་ནམ་མཁའ་འི་མེ་ཏྲོག་བཞིན། །

14. Sự tự-có như / hoa đốm giữa trời,

The non-contingent is like a sky flower,

དེས་ན་མ་བརྟེན་ཡོད་པ་ཡིན། །

vì vậy không gì / là không tùy thuộc.

Hence there is nothing that is not dependent.

རོ་བོས་གྲུབ་ན་དེ་འགྲུབ་པ། །

Nếu sự vật nhờ / chính mình mà có

If things exist through their essence, their dependence on

རྒྱ་དང་རྒྱུན་ལ་རྟོགས་པ་འགལ། །

thì không thể nào / tùy thuộc nhân duyên.

Causes and conditions for their existence is a contradiction.

༡༥ ་། དེ་ཕྱིར་བརྟན་ན་ནས་འབྱུང་བ་ལས། །

15. Nên Phật dạy rằng “vì không có gì

“Therefore since no phenomena exist

མ་གཏོགས་ཚེས་འགའ་ཡོད་མིན་པས། །

không từ duyên khởi

Other than origination through dependence,

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་རྟོགས་པ་ལས། །

nên trừ phi là / không có tự tánh,

No phenomena exist other than

མ་གཏོགས་ཚེས་འགའ་མེད་པར་གསུངས། །

bằng không chẳng có / pháp nào tồn tại.”

Being devoid of intrinsic existence,” you taught.

༡༦ ་། རང་བཞིན་ལྡན་པ་མེད་པའི་ཕྱིར། །

16. Phật dạy: “Tự tánh / không hề biến chuyển,

“Because intrinsic nature cannot be negated,

ཚེས་རྣམས་རང་བཞིན་འགའ་ཡོད་ན། །

nên nếu các pháp / có chút tự tánh

If phenomena possess some intrinsic nature,

སྤྱད་པ་འདས་པ་མི་རུང་ཞིང། །

thì quả niết bàn / không thể nào có,

Nirvana would become impossible

སྤྱོད་ཀྱི་ལྟན་པ་མེད་པར་གསུངས། །

niệm khởi cũng không / cách nào tịch diệt

And elaborations could not be ceased,” you taught.

༡༧ ་། དེ་ཕྱིར་རང་བཞིན་རྣམས་བྲལ་ཞེས། །

17. Vì vậy nhiều lần / trước hàng trí giả

Therefore who could challenge you?

སེང་གའི་སྒྲ་ཡིས་ཡང་ཡང་དུ། །

đức Phật nói bằng / tiếng sư tử hống,

You who proclaim with lion’s roar

མཁས་པའི་ཚོགས་སུ་ལེགས་གསུངས་པ། །

rằng “sự vật vốn / tách lìa tự tánh”

In the assembly of learned ones repeatedly

འདི་ལ་སུ་ཡིས་འགོང་བར་རུས། །

Lời này đối ai / đủ sức phản biện.

That everything is utterly free of intrinsic nature?

༡༨ ་། རང་བཞིན་འགའ་ཡང་མེད་པ་དང་།

18. Tự tánh mảy may / cũng không hề có,
That there is no intrinsic existence at all

འདི་ལ་བརྟེན་ནས་འདི་འབྱུང་བའི།

mọi sự đều là / “tùy vào cái này
And that all functions as “this arising

ནས་བཞག་ཐམས་ཅད་འབྲས་གཉིས།

mà cái kia sinh.” / Có cần phải nói
In dependence on that,” what need is there to say

མི་འགལ་འདུ་བ་སྒྲིམ་ཅི་དགོས།

rằng hai điều này / không hề mâu thuẫn?
That these two converge without conflict?

༡༩ ་། བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་རྒྱ་མཚན་གྱིས།

19. Vì hiện khởi nên
“It is through the reason of dependent origination

མཐར་ལྟ་བ་ལ་མི་བརྟེན་ཞེས།

không vương biên kiến”
That one does not lean towards an extreme;”

ལེགས་གསུངས་འདི་ནི་མགོན་ཆུང་གྱི།

Chính vì đức Phật / khéo thuyết như vậy
That you’ve declared this excellently is the reason,

སྐྱ་བ་སྒྲན་མེད་པའི་རྒྱ།

nên gọi Ngài là / luận sư vô song
O Savior, of your being an unexcelled speaker.

༢༠ ་། འདི་ཀླན་པོ་ཐོས་སྟོང་པ་དང་།

20. “Hết thấy mọi sự / chân tánh vốn không”;
“All of this is devoid of essence,”

འདི་ལས་འདི་འབྲས་འབྱུང་བ་ཡི།

“từ điều này mà / quả kia sinh ra”:
And “From this arises that effect” -

ངེས་པ་གཉིས་པོ་ཕན་ཚུན་དུ།

hai khẳng định này hỗ trợ lẫn nhau
These two certainties complement

གཤམ་མེད་པར་ནི་གོགས་བྱེད་པ།

không hề mâu thuẫn.
Each other with no contradiction at all.

༢༡ ་། འདི་ལས་ངོ་མཚར་གྲུང་པ་དང་།

21. Nhiệm mầu nào hơn?
What is more amazing than this?

འདི་ལས་མཐུན་བྱུང་བ་གང་།

kỳ diệu nào hơn?
What is more marvellous than this?

ཚུལ་འདིས་ཁྱོད་ལ་བརྟན་ནི།

Tán dương như vậy mới là tán dương,
If one praises you in this manner,
བསྟོན་པར་འབྲུར་གྱི་གཞན་དུ་མིན། །
bằng không chẳng xứng.
This is real praise, otherwise not.

༢༢་ཀྱི་ མྱོངས་པས་བླན་དུ་བཟུང་བ་ཡིས། །
22. Những ai vì bởi / mê muội không chế
Being enslaved by ignorance
གང་ཞིག་ཚྱུད་དང་ཞེ་འབྲས་པ། །
bất thuận với Phật / thì trước âm thanh
Those who fiercely oppose you,
དེ་ཡིས་རང་བཞིན་མེད་པའི་སྒྲ། །
của không tự tánh / chẳng thể nào kham,
What is so astonishing about their being
མི་བཞེད་གྲུ་ལ་མཚར་ཅི་ཡོད།
việc này không lạ.
Unable to bear the sound of no intrinsic existence?

༢༣་ཀྱི་ རྒྱུད་གྱི་གསུང་གི་གཅེས་པའི་མཛོད། །
23. Nhưng nếu tin nhận / kho tàng trân quý
But having accepted dependent origination,
བརྟེན་ནས་འབྱུང་བར་ཁས་སྐྱངས་ནས། །
của lời Phật dạy / về thuyết duyên khởi,
The precious treasure of your speech,
སྟོང་ཉིད་ངོ་མོ་མི་བཞེད་པ། །
mà không kham nổi / tiếng gầm tánh không
Then not tolerating the roar of emptiness -
འདི་ལ་ཁོ་བོ་ངོ་མཚར་གྲུ། །
mới thật lạ kỳ.
This I find amazing indeed!

༢༤་ཀྱི་ རང་བཞིན་མེད་ལ་བགྱི་བའི་སྒྲ། །
24-25. Lý duyên khởi là / cánh cửa vô thượng,
The door that leads to no intrinsic existence,
སྒྲ་མེད་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྱུང་གི།
lối ngõ dẫn vào / sự không tự tánh.
This unexcelled [door of] dependent origination,
མིང་ཉིད་གྱིས་ནི་རང་བཞིན་དུ། །
Nếu kẻ phàm phu / dựa danh duyên khởi
Through its name alone, if one grasps
འཛིན་ན་དགོ་སྒྲུ་བོ་འདི། །
mà chấp tự tánh / thì phàm phu ấy
At intrinsic existence, now this person

༢༥་ཀྱི་ འཕགས་མཚོག་རྣམས་ཀྱིས་ལེགས་བསྟོད་པའི། །

lạc mất lối ngõ
 Who lacks the unrivalled entrance,
 འཇུག་རོགས་སྒྲ་དང་བཅས་ཀྱི་རྒྱུ་པ།
 mà chư thánh giả đã từng khéo qua.
 Well travelled by the Noble Ones,
 རྩོད་དགྱེས་ཀྱི་རྒྱུ་པ་འི་ལམ་བཟང་དེར། །
 Đâu là phương tiện / đưa họ về lại
 By what means should one guide him
 ཐབས་གང་གིས་ནི་བགྱི་བར་བྱ། །
 với con đường lành / khiến cho Phật vui?
 To the excellent path that pleases you?

༢༦་། རང་བཞིན་བཅོས་མིན་ལྟོས་མེད་དང། །
 26. “Tự tánh, không giả, và không tùy thuộc”
 Intrinsic nature, uncreated and non-contingent,
 རྟན་འབྲེལ་ལྟོས་དང་བཅོས་མ་གཉིས། །
 cùng với “duyên sinh, tùy thuộc, giả hợp”,
 Dependent origination, contingent and created –
 ཇི་ལྟ་བུར་ན་གཞི་གཅིག་ལ། །
 Làm sao có thể / qui về một chỗ
 How can these two converge
 མི་འགལ་འདུ་བ་ཉིད་དུ་འབྱུང། །
 mà không mâu thuẫn?
 Upon a single basis without contradiction?

༢༧་། དེ་ཕྱིར་བརྟན་ནས་འབྱུང་བ་གང། །
 27. Vì thế điều gì / từ duyên sinh ra,
 Therefore whatever originates dependently,
 རང་བཞིན་གྱིས་ནི་གདོད་མ་ནས། །
 mặc dù bản lai / vốn là tự tánh,
 Though primordially free of intrinsic existence,
 རྣམ་པར་དབེན་ཡང་དེར་སྒྲུང་བས། །
 nhưng mà tướng hiện / lại giống như có,
 Appears as if it does [possess intrinsic existence];
 འདི་ཀླན་སྒྲུ་མ་བཞིན་དུ་གསུངས། །
 nên Phật nói rằng / mọi sự hư huyễn.
 So you taught all this to be illusion-like.

༢༨་། རྩོད་གྱིས་ཇི་ལྟར་བསྟན་པ་ལ། །
 28. Vì lý do này / nên con hiểu được
 Through this very fact I understand well
 སྐལ་བ་འགས་ཀྱང་ཚོས་མ་ཐུན་དུ། །
 dù ai chống đối / nơi lời Phật dạy
 The statement that, to what you have taught,
 ཐུགས་མི་རྟོད་པར་གསུངས་པ་ཡང། །
 vẫn không làm sao / xét đúng luận lý

Those opponents who challenge you
འདི་ཉིད་ཀྱིས་ནི་ལེགས་པར་འཁུམས། །
mà tìm ra được / chút sơ hở nào.
Cannot find faults that accord with reason.

29. ཅི་སྐད་ཅེན་འདི་བཤད་པས། །
29. Tại sao như vậy? Vì lời giảng này
Why is this so? Because by declaring these
མཐོང་དང་མ་མཐོང་དངོས་པོ་ལ། །
khiến cho sự vật / -dù là thấy được / hay không thể thấy-
Chances for reification and denigration
སྐོར་འདོགས་པ་དང་སྐྱར་འདེབས་ཀྱི། །
khả năng khẳng định / hay là phủ định
Towards things seen and unseen
གོ་སྐབས་རིང་དུ་མཛད་ཕྱིར་རོ།
đều là rất xa.
Are made most remote.

30. ཁྱད་ཀྱི་སྐྱབ་བླ་མེད་པར། །
30. Chính nhờ con đường / duyên khởi này đây,
Through this very path of dependent origination,
མཐོང་བའི་རྒྱ་མཚན་རྟེན་འབྱུང་གི། །
thấy được lời Phật / thật không đâu sánh.
The rationale for your speech being peerless,
ལམ་འདི་ཉིད་ཀྱིས་གསུང་གཞན་ཡང་། །
Vì lẽ này mà / khởi niềm xác quyết
Convictions arise in me [also]
ཚད་མར་གྱུར་པར་ངེས་པ་སྟེ། །
Pháp nào của Phật / cũng đều đúng cả.
That your other words are valid too.

31. རྟོན་བཞིན་གཟིགས་ནས་ལེགས་གསུངས་པ། །
31. Phật chứng như nghĩa / rồi khéo nói ra,
You who speak excellently by seeing as it is,
ཁྱད་ཀྱི་རྩེས་སུ་སློབ་པ་ལ། །
những ai dụng công / theo gót chân Ngài,
For those who train in your footsteps,
སྐད་པ་ཐམས་ཅད་རིང་དུ་གྱུར། །
bao nhiêu suy thoái / hết thảy đều xa,
All degenerations will become remote;
ཉིས་ཀྱན་རྩ་བ་ཕྱེད་ཕྱིར་རོ།
bao gốc lỗi lầm / đều hồi đầu cả.
For the root of all faults will be undone.

32. ཁྱད་ཀྱི་བསྐྱར་ལས་ཕྱིར་ཕྱོགས་པས། །
32. Còn người quay lưng / với lời Phật dạy

But those who turn away from your teaching,
ཡུན་རིང་ལ་བ་བསྟན་བྱས་ཀྱང་། །
thì dù lao碌 / trong thời gian dài
Though they may struggle with hardship for a long time,
ཕྱི་ཕྱིར་སྟོན་ནམས་བོས་པ་བཞིན། །
lỗi vẫn tăng thêm / -như thể gọi mời-
Faults increase ever more as if being called forth;
བདག་ཏུ་ཧྲ་བ་བརྟན་ཕྱིར་འོ། །
là vì nương vào / tri kiến chấp ngã.
For they make firm the view of self.

༣༣་ཀྱི། ཨེ་མའོ་མཁས་པས་འདི་གཉིས་ཀྱི།
33. Tuyệt vời lắm thay! Khi người có trí
Aha! When the wise comprehend
ཁྱད་པར་ཁོང་དུ་ཆུད་བྱུང་ས། །
hiếu sự khác biệt / giữa hai điều này,
The differences between these two,
དེ་ཆོ་ཀར་གྱི་ཁོང་ནས་ནི།
khi ấy đáy lòng / không thể nào không
Why would they not at that point
ཁྱོད་ལ་ཅི་ཕྱིར་གུས་མི་འགྱུར།
sâu xa kính Phật.
Revere you from the depths of their being?

༣༤་ཀྱི། ཁྱོད་གསུང་དུ་མ་ཅི་ཞིག་སྟོས། །
34. Hãy khoan nói đến / vô lượng giáo pháp,
Let alone your numerous teachings,
ཆམས་རེ་ཡི་དོན་ཅམ་ལའང་། །
chỉ cần ý nghĩa một nhánh nhỏ thôi
Even in the meaning of a small part,
འོ་ལ་སྟེ་ཅམ་གྱི་ངེས་ཆེད་ས། །
dù chỉ đại khái có được lòng tin
Those who find ascertainment in a cursory way,
དེ་ལའང་མཆོག་གི་བདེ་བ་སྟེ། །
cũng vẫn đạt được niềm vui thù thắng.
This brings supreme bliss to them as well.

༣༥་ཀྱི། གྱི་རུད་བདག་སྒོ་སྤངས་པས་བཅོམ། །
35. Than ôi! con vì / tâm trí mê muội,
Alas! My mind was defeated by ignorance;
འདི་འདྲའི་ཡོན་ཏན་ཕྱང་ལོ་ལ།
khỏi thiện đức ấy / qui y đã lâu,
Though I've sought refuge for a long time,
ཁིང་ནས་སྐྱབས་སུ་སོང་བྱུང་ཀྱང་། །
thế nhưng cho dù / chỉ một mẫu nhỏ
In such an embodiment of excellence,

ཡོན་ཏན་ཆེན་མེད་མ་འཛིན་ཏེ། །

cũng chưa hề có.

I possess not a fraction of his qualities.

༣༦་། འོན་ཀྱང་འཆི་བདག་ཁར་ཕྱོགས་པའི། །

36. Tuy vậy, trước khi / sinh mạng một dòng
Nonetheless, before the stream of this life

སྲོག་གི་རྒྱུན་ནི་མ་ལུབ་པར།

chảy cạn hết vào / miệng của Thần chết,
Flowing towards death has come to cease

ཁྱོད་ལ་ཅུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། །

tín tâm nơi Phật / con được chút ít,
That I have found slight faith in you -

འདི་ཡང་སྐུ་ལ་བ་བཟང་སྟུང་བཞིན། །

thiết nghĩ đó cũng là điều đại hạnh.
Even this I think is fortunate.

༣༧་། ལྷན་པའི་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་སྟོན་པ་དང་། །

37. Bậc thuyết duyên khởi / trong khắp giảng sư;
Among teachers, the teacher of dependent origination,

ཤེས་རབ་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་ཤེས་པ་གཉིས། །

Trí chúng duyên khởi / trong khắp các trí;
Amongst wisdoms, the knowledge of dependent origination -

འཇིག་རྟེན་དག་ན་རྒྱལ་བའི་དབང་པོ་བཞིན། །

Chỉ có Phật như / đế vương tôn thắng / trong cõi thế gian
You, who're most excellent like the kings in the worlds,

ཕུལ་བྱང་ལེགས་པར་ཁྱོད་མཁྱེན་གཞན་གྱིས་མིན།

mới khéo biết được, / người khác chẳng thể.
Know this perfectly well, not others.

༣༨་། ཁྱེད་གྱིས་ཇི་སྟེད་བཀའ་སྩལ་པ། །

38. Bất kể là Phật / dạy cho pháp gì,
All that you have taught

རྟེན་འབྲེལ་གྱི་དཔལ་ས་བཙུམས་ཏེ་འཕྱགས།

đều phát xuất từ / giáo lý duyên sinh
Proceeds by way of dependent origination;

དེ་ཡང་སྐུ་རན་འདུམ་ཏེ། །

và đều hướng đến / mục tiêu niết bàn.
That too is done for the sake of nirvana;

ཞི་འགྱུར་མིན་མཛད་ཁྱོད་ལ་མེད། །

Phật không hạnh nào / không khiến tịnh an.
You have no deeds that do not bring peace.

༣༩་། གྲུ་མའོ་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ནི། །

39. Ôi! Giáo pháp Phật
Alas! Your teaching is such,

གང་གི་རྒྱ་བའི་ལམ་སོང་བ།

rơi vào tai ai

In whosoever's ears it falls,

།དེ་དག་ཐམས་ཅད་ཞི་འགྱུར་ཕྱིར། །

đều khiến bình an,

They all attain peace; so who would not be

།ཁྱོད་བསྟན་འཛིན་པར་སུ་མི་གུས། །

hỏi ai lại chẳng / thiết tha giữ gìn.

Honoured to uphold your teaching?

༤༠་། བས་སྒྲོལ་མཐའ་དག་འཛོམས་པ་དང། །

40. Pháp này tận diệt / hết thảy đối địch;

It overcomes all opposing challenges;

།ལྷག་འོག་འགལ་འདུས་སྒྲོང་པ་དང། །

làm tan biến hết / mâu thuẫn trước sau;

It's free from contradictions between earlier and latter parts;

།སྐྱེ་སྲིད་དོན་གཉིས་སྟར་བྱེད་པ། །

giúp cho toàn thành / cả hai lợi ích;

It grants fulfilment of beings' two aims -

།ལྷགས་འདིར་ཁོ་བོ་སྐྱོབ་འཕེལ། །

nhờ diệu pháp này / hoan hỉ càng tăng.

For this system my joy increases ever more.

༤༡་། འདི་ཡི་ཕྱིར་དུ་ཁྱོད་གྱིས་ནི། །

41. Chính vì vậy mà

For its sake you have given away,

།ལ་ལར་སྐྱེ་དང་གཞན་དུ་སྒྲོག།

Phật vô số kiếp / cho rồi lại cho:

Again and again over countless eons,

།སྐྱུག་པའི་གཉེན་དང་ལོངས་སྟོན་ཚོགས། །

khi thì cho thân / lúc lại cho mạng,

Sometimes your body, at others your life,

།གངས་མེད་བསྐྱལ་པར་ཡང་ཡང་བཏང། །

cho cả thân nhân, / thọ dụng tài sản.

As well as your loving kin and resources of wealth.

༤༢་། གང་གི་ཡོན་ཏན་མཐོང་བ་ཡིས། །

42. Thấy được thiện đức / của giáo pháp này,

Seeing the qualities of this teaching

།ལྷགས་ཀྱས་ཉལ་ཇིབ་ཞིན་དུ། །

con thật như là / con cá mắc câu,

Pulls [hard] from your heart,

།ཉིད་གྱིས་སྐྱགས་དངས་ཚས་དེ་ནི།

từ nơi tim Phật / bị cuốn phăng vào.

Just like what a hook does to a fish;

།ཁྱོད་ལས་མ་ཐོས་སྐྱལ་བ་ཞན། །

Chẳng thể chính tai / nghe lời Phật dạy / thật là bất hạnh.

Sad it is not to have heard it from you.

༤༣་། དེ་ཡི་སྤྱད་པ་ལྷན་གྱིས་ནི། ༡

43. Nỗi thương tâm này / ray rức mãnh liệt,

The intensity of that sorrow

སྤྱད་པ་ལྷན་གྱིས་ལྷི་ཡི། ༡

níu mãi không buông / tâm trí của con.

Does not let go of my mind,

རྗེས་སུ་སྤང་བ་མི་བཞིན་དུ། ༡

Cũng tựa như là / trái tim người mẹ

Just like the mind of a mother

བདག་གི་ཡིད་ནི་གཏོང་མི་བྱེད། ༡

giữ mãi không rời / đưa con thân yêu.

[Constantly] goes after her dear child.

༤༤་། འདི་ལ་འད་ཚུད་གསུང་བསམ་པ་ན། ༡

44. Mỗi khi con nhớ / đến lời Phật dạy,

Here too, as I reflect on your words, I think,

མཚན་དཔེ་འདི་དཔལ་གྱིས་རབ་ཏུ་འབར། ༡

là ý nghĩ này / lại hiện trong con.

"Blazing with the glory of noble marks

འདྲ་གྱི་བྱ་བས་ཡོངས་བསྐྱོར་བའི། ༡

"Bổn sư đứng giữa / vùng hào quang sáng,

And hallowed in a net of light rays,

སྟོན་པ་དེ་ཡི་ཚངས་དབྱངས་གྱིས། ༡

tướng hảo chánh phụ / rực rỡ rạng ngời,

This teacher, in a voice of pristine melody,

༤༥་། འདི་ནི་འདི་ལྟར་གསུངས་སྟུང་དུ། ༡

45. đã dùng Phạm Âm / mà thuyết như vậy."

Spoke thus in such a way."

ཡིད་ལ་སྤྱབ་པའི་གཞུགས་བརྟན་ནི། ༡

Ảnh Phật khi ấy / hiện ra trong con,

The instant such a reflection of the Sage's form

ཤར་བ་ཙམ་ཡང་ཚ་བ་ཡིས། ༡

xoa dịu trái tim / rất bỗng mơn mõi,

Appears in my mind it soothes me,

གཏུངས་ལ་སྐྱེ་བའི་བཞིན་དུ་སྒྲུ། ༡

như trăng thanh mát / dịu cõi nóng khô.

Just as the moon-rays heal fever's pains.

༤༦་། དེ་ལྟར་སྤྲད་དུ་བྱུང་བ་ཡི། ༡

46. Đối với giáo pháp / kỳ diệu này đây,

This excellent system, most marvellous,

ལུགས་བཟང་དེ་ཡང་མི་མཁས་པ་ནི། ༡

phàm phu kém trí

Some individuals who are not so learned

སྒྱེ་བོས་བལ་པ་ཇ་བཞིན་དུ།

thấy rối mịt mờ

Have entangled it in utter confusion,

ནམ་པ་ཀུན་ཏུ་འཛིངས་པར་བྱས་།

như là cỏ bện.

Just like the tangled *balbaza* grass.

ལ་པ་། །སྒྲུབ་འདི་མཐོང་ནས་བདག་གིས་ནི།

47. Nhìn thấy cảnh này / con đã lảo lảo

Seeing this situation, I strove

འབད་པ་དུ་མས་མཁས་པ་ཡི།

theo bậc trí giả

With a multitude of efforts

ཁྲིམ་སྤུ་འབྲངས་ནས་ཚུད་ཀྱི་ནི།

cố gắng nỗ lực

To follow after the learned ones

དཔོན་ས་པ་ཡང་དང་ཡང་དུ་བཅོལ།

tìm rồi lại tìm / ý thật của Phật.

And sought your intention again and again.

ལ་པ་། །དེ་ཚོ་རང་གཞན་སྡེ་པ་ཡི།

48. Khi ấy con học

At such times as I studied the numerous works

གཞུང་མང་དག་ལ་སྦྱངས་པ་ནི།

rất nhiều kinh luận / tông môn trong ngoài,

Of both our own [Middle Way] and other schools,

བྱི་བྱིར་ཐེ་ཚོས་དྲ་བ་ཡིས།

tâm triền miên khổ

My mind became tormented ever more

བདག་གི་ཡིད་ནི་ཀུན་ཏུ་གདུངས།

vì lưới hoài nghi.

Constantly by a network of doubts.

ལ་པ་། །ཚུད་ཀྱི་སྒྲ་མེད་ཐེག་པ་འི་ཚུལ།

49-51. Cổ xe vô thượng / mà Phật để lại,

The night-lily grove of Nagarjuna's treatises -

ཡོད་དང་མེད་པ་འི་མཐའ་སྦྱངས་ཏེ།

hai đầu có-không / đều lìa bỏ hết,

Nagarjuna whom you prophesized

ཇི་བཞིན་འབྲེལ་པར་ལུང་བསྟན་པ།

được đức Long-thọ - người Phật thọ ký - giảng đúng như thật.

Would unravel your unexcelled vehicle as it is,

ལྷ་སྦྱབ་གཞུང་ལུགས་ཀྱི་ཐུང་ཚུལ།

Vườn hoa kun-da / của luận Long thọ

Shunning extremes of existence and non-existence -

ལའོ་། རི་མེད་མཁྱེན་པའི་དགྲིལ་འཁོར་རྒྱལ། །

ngời ánh nguyệt quang / của luận Nguyệt Xứng
Illuminated by the garland of white lights

གསུང་རབ་མཁའ་ལ་ཐོགས་མེད་རྒྱ། །

trắng sáng rạng soi / tỏ tường khắp cả,
Of Candra's well-uttered insights -

མཐར་འཛིན་སྤྲིང་གི་སྟུན་པ་སེལ། །

trí tuệ vô cấu / một khối tròn đầy,
Candra, whose stainless wisdom orb is full,

ལོག་སྤྲིང་གི་རྒྱ་སྐར་ཐེལ་གཞོན་པ། །

du hành vô ngại / giữa trời giáo thuyết,
Who glides freely across scriptures' space,

ལའོ་། དཔལ་ལྷན་རྒྱ་བའི་ལེགས་བཤད་ཀྱི། །

xóa tan tăm tối / trái tim chấp thủ,
Who dispels the darkness of extremist hearts

འོད་དཀར་འཕྲེང་བས་གསལ་བྱས་པ། །

ngàn sao tà thuyết / đều phải lu mờ.
And outshines the constellations of false speakers -

སྤྲུལ་འདི་རྒྱ་གྲིས་མཐོང་བའི་ཆོ། །

Nhờ ơn đạo sư / thấy được điều này,
When, through my teacher's kindness, I saw this

བདག་གི་ཡིད་ཀྱིས་ངལ་གསོ་ཐོབ། །

tâm con khi ấy / mới thật bình yên.
My mind found a rest at last.

ལའོ་། མཛད་པ་ཀུན་ལས་གསུང་གི་ནི། །

52. Trong mọi thiện hạnh / mà Phật đã làm / thuyết pháp là nhất.
Of all your deeds, your speech is supreme;

མཛད་པ་མཆོག་ཡིན་དེ་ཡང་ནི། །

Pháp thuyết cũng vậy / là pháp này đây.
Within that too it is this very speech;

དེ་ཉིད་ཡིན་ཕྱིར་མཁས་པ་ཡིས། །

Vì vậy kẻ trí / nên từ chỗ này
So the wise should remember the Buddha

འདི་ལས་སངས་རྒྱལ་མེས་བླ་མ་ལྟེན། །

mà nhớ đến Phật.
Through this [teaching of dependent origination].

ལའོ་། སྟོན་དེ་འི་མེས་སྐུ་རབ་བྱ་བྱུང་བྱུང་ཏེ། །

53. Theo gót đấng bốn sư / tôi xuất gia thanh tịnh
Following such a teacher and having become a renunciate,

རྒྱལ་བའི་གསུང་ལ་སྦྱངས་པ་མི་དམན་ཞིང། །

tu học lời Phật dạy / không để cho kém cỏi

Having studied the Conqueror's words not too poorly,
ནལ་འབྱོར་སྤྱད་ལ་བརྩོན་པའི་དགེ་སྤྲོད་ཞིག།

Tỷ kheo này cố gắng / tu tập hạnh du già
This monk who strives in the yogic practices,
དང་སྤྲོད་ཆེན་པོ་དེ་ལ་དེ་ལྟར་གུས། །
để tỏ lòng tôn kính / bậc Đại Chân Thật giả
Such is [the depth of] his reverence to the great Seer!

༥༤་ཀྱི་ སྤྲོན་པ་སྤྲོ་ན་མེད་པའི་བསྐྱེད་པ་དང་། །

54. Gặp được giáo pháp này / của bậc Thầy vô thượng
Since it is due to my teacher's kindness
མཇུག་པ་འདི་འདྲ་སྤྲོ་མའི་བྲིན་ཡིན་པས། །

hết thầy đều nhờ vào / lòng từ của Ân sư
I have met with the teaching of the unexcelled teacher,
དགེ་བ་འདི་ཡང་འགྲོ་བ་མ་ལུས་པ། །

Vậy công đức ở đây / tôi nguyện xin hồi hướng
I dedicate this virtue too towards the cause
བཤེས་གཉེན་དམ་པས་འཛིན་པའི་རྒྱ་རུ་བསྐྱེ། །
cho chúng sinh luôn được / bậc chân sư giữ gìn.
For all beings to be sustained by sublime spiritual mentors.

༥༥་ཀྱི་ བཅུ་མཛད་དེ་ཡི་བསྐྱེད་པ་འདས་སྤྱིད་པའི་མཐའ། །

55. Pháp của đấng Lợi Sinh / nguyện cùng tận sinh tử
May the teaching of this Beneficent One till world's end
རན་ཏོག་རྒྱུད་གིས་རྣམ་པར་མི་གཡོ་ཞིང་། །

không bao giờ khuynh động / bởi ngọn gió tà niệm
Be unshaken by the winds of evil thoughts;
བསྐྱེད་པའི་དང་རྒྱུ་ཤེས་ནས་སྤོན་པ་ལ། །

nguyện luôn đầy ắp người / chứng cảnh giới lời Phật
May it always be filled with those who find conviction
ཡིད་ཆེས་རྩིད་པས་ ཏྲག་ཏུ་གང་བར་ཤོག།
nhờ đó tâm xác quyết / tin tưởng đấng đạo sư
In the teacher by understanding the teaching's true nature.

༥༦་ཀྱི་ བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་དེ་ཉིད་གསལ་མཛད་པ། །

56. Nguyện trì pháp Mẫu ni
May I never falter even for an instant
ཐུབ་པའི་ལུགས་བཟང་སྤྱི་བ་ཐམས་ཅད་དུ། །

sáng soi lý duyên khởi
To uphold the excellent way of the Sage,
ལུས་དང་སྤྱོད་ཀྱང་བཏང་ནས་འཛིན་པ་ལ། །

mọi đời kiếp về sau / xả bỏ cả thân mạng
Which illuminates the principle of dependent origination,
སྐད་ཅིག་ཙམ་ཡང་སྤོད་པར་མ་གྱུར་ཅིག།

không bao giờ xao lãng / dù chỉ thoáng chốc thôi
Through all my births even giving away my body and life.

ལེ་ཤེན་པ་མཚོག་དེས་དཀའ་བ་དཔག་མེད་གྱིས། །

57. “Bật dẫn đường tối thượng / bỏ công khó vô lượng

May I spend day and night carefully reflecting,

ནན་ཏན་སྒྲིང་པོར་མཛད་ནས་བསྐྱབས་པ་འདི། །

mới đạt được pháp này

“By what means can I enhance

ཐབས་གང་ཞིག་གིས་འཕེལ་བར་འགྱུར་སྒྲིང་པའི། །

nay dùng cách nào đây / để hoằng dương chánh pháp?”

This teaching achieved by the supreme savior

རྣམ་པར་དཔྱད་པས་ཉིན་མཚན་འདུལ་བར་ཤོག།

nguyện tôi ngày lẫn đêm / luôn quán xét điều này

Through strenuous efforts over countless eons?”

ལེ་ཤེན་ ལྷག་བསམ་དག་པས་རྒྱལ་ཤེས་བརྩོན་པ་ན། །

58. Khi nỗ lực như vậy / với đại nguyện trong sáng

As I strive in this with pure intention,

ཚུམས་དང་དབང་པོ་འཛིན་རྟེན་སྦྱང་བ་དང། །

Nguyện Phạm Thiên, Đế Thích, / cùng chư vị hộ thế

May Brahma, Indra and the world's guardians

ལེགས་ལྷན་ནག་པོ་ལ་སོགས་སྤང་མས་ཀྱང། །

và hộ pháp như là / đức Mahakala

And protectors such as Mahakala

གཡེལ་བ་མེད་པར་རྟག་ཏུ་གྲོགས་བྱེད་ཤོག།

luôn nâng đỡ cho tôi / không bao giờ lơ lơi

Unswervingly, always assist me.

ཅེས་བསྟན་པ་ལེགས་བཤད་སྒྲིང་པོ་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ནི་མང་དུ་ཐོས་པའི་དག་སྦྱང་སྟོབས་ཐང་གཤམ་པའི་དཔལ་གྱིས་སྦྱར་བའོ།

Bài pháp tên “Tinh Túy Trí Khéo Thuyết” này do bậc Tỷ kheo Đa văn Losang Dragpa trước tác.

Hồng Như Thupten Munsel chuyển Việt ngữ từ Tạng ngữ (Kopan Monastery Prayer Book), tham khảo với các bản dịch Anh ngữ của Thupten Jinpa Kilty Galvin, 12 tháng 5 năm 2019

This hymn entitled “Essence of Well-Uttered Insights,” praising the unexcelled Teacher – the great friend to the entire world [even] to the unfamiliar – for teaching the profound dependent origination, was composed by the well-read monk Lobsang Drakpai Pal. It was written at the heavenly retreat of Lhading on the towering mountain of Odé Gungyal, otherwise known as [Ganden] Nampar Gyalwai Ling. The scribe was Namkha Pal. Translated from the Tibetan by Geshe Thupten Jinpa. © Geshe Thupten Jinpa.

Việt (Vietnamese)| Tạng (Tibetan) | **Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)**